

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM**
----- ooo -----

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
MÔ HÌNH NHÂN RỘNG KẾT QUẢ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU THUỘC DỰ ÁN
KHCN NÔNG NGHIỆP, VỐN VAY ADB**

Tên mô hình: Nhân rộng mô hình nhóm sở thích chăn nuôi bò thịt và phát triển thị trường tiêu thụ tại Cao Bằng

Thuộc đề tài: Nghiên cứu đa dạng hóa các mô hình chăn nuôi bò thịt theo các vùng sinh thái khác nhau và tiếp cận thị trường tại Cao Bằng và Hà Giang



Cơ quan chủ quản:	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan chủ trì:	Viện Cây lương Thực và Cây thực phẩm
Chủ nhiệm:	Ths. Trịnh Văn Tuấn
Thời gian thực hiện:	Tháng 5 -10/2012

Hà Nội, tháng 11 năm 2012

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
MÔ HÌNH NHÂN RỘNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THUỘC DỰ ÁN KHOA
HỌC CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP, VỐN VAY ADB
(Số hợp đồng: 25/HDMHKN-ĐAKHCNNN)**

- 1. Tên mô hình:** *Nhân rộng mô hình nhóm sở thích chăn nuôi bò thịt và phát triển thị trường tiêu thụ tại Cao Bằng*
- 2. Cơ quan chủ trì mô hình:** Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm
- 3. Chủ nhiệm mô hình:** ThS. Trịnh Văn Tuấn
- 4. Thời gian thực hiện:** Từ 02/05/2012 đến 31/10/2012 *(theo hợp đồng)*
- 5. Địa điểm thực hiện:** Huyện Hà Quảng, Thông Nông và Nguyên Bình thuộc tỉnh Cao Bằng
- 6. Lĩnh vực chuyên ngành:** Chăn nuôi
- 7. Tổng kinh phí:** 200 triệu đồng
- 8. Các đơn vị tham gia thực hiện mô hình:**
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp;
Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng.
- 9. Mô hình được áp dụng theo quy trình:** Các bước thành lập nhóm sở thích theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ và Tài liệu thành lập nhóm sở thích của Hội đã có Quyết định ban hành

Hà Nội, 11/2012

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	5
II. TÍNH CẤP THIẾT CỦA VIỆC THỰC HIỆN MÔ HÌNH	5
III. MỤC TIÊU MÔ HÌNH	6
IV. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	6
4.1. Nhân rộng mô hình các nhóm sở thích chăn nuôi bò thịt.....	6
4.2. Nâng cao năng lực cho cán bộ và nông dân ngoài vùng xây dựng mô hình..	8
V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH	8
5.1. Kết quả xây dựng mô hình:	8
5.2. Kết quả đào tạo, tập huấn (cho những người không tham gia mô hình)	10
5.3. Bảng tổng hợp sản phẩm mô hình	11
VI. HIỆU QUẢ CỦA MÔ HÌNH	11
6.1. Hiệu quả về kinh tế:	11
6.2. Hiệu quả về xã hội:.....	13
6.3. Hiệu quả về môi trường:	14
6.4. Các hiệu quả/tác động khác:	14
VII. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ	14
7.1. Kết luận	14
7.2. Khuyến nghị	14
VIII. PHỤ LỤC	16
Phụ lục 1. Xác nhận của địa phương về việc nhân rộng mô hình	16
Phụ lục 2. Danh sách 424 hộ trong 23 nhóm sở thích chăn nuôi bò	16
Phụ lục 3. Danh sách số người được tập huấn và danh sách số người đăng ký áp dụng tiến bộ kỹ thuật	16
Phụ lục 4. Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở	16
Phụ lục 5. Quy trình đề tài áp dụng cho mô hình	16
Phụ lục 6. Các hình ảnh minh họa (in màu)	16
Phụ lục 7. Thuyết minh dự án đã được phê duyệt	16

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT

NĐ-CP

KHCN

ADB

Rural Food

Bò H'mông

VA-06

KT, KN

DTTS

TBKT

PTNT

NGHĨA CỦA TỪ

Nghị định – Chính Phủ

Khoa học công nghệ

Ngân hàng phát triển châu á

Công ty thực phẩm nông thôn

Một giống bò miền núi (bò U)

Cỏ voi lai

Kỹ thuật, Khuyến Nông

Dân tộc thiểu số

Tiến bộ kỹ thuật

Phát triển nông thôn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên mô hình: *Nhân rộng mô hình nhóm sở thích chăn nuôi bò thịt và phát triển thị trường tiêu thụ tại Cao Bằng*
2. Cơ quan chủ trì mô hình: Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm
3. Chủ nhiệm mô hình: ThS.Trịnh Văn Tuấn
4. Thời gian thực hiện: Từ 02/05/2012 đến 31/10/2012 *(theo hợp đồng)*
5. Địa điểm thực hiện (cấp xã): Vân Dính, Hồng Sỹ, Thượng Thôn, Quý Quân, Mã Ba, Sỹ Hai thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Tập huấn cho 2 huyện Thông Nông và Nguyên Bình tại thị xã Cao Bằng
6. Lĩnh vực chuyên ngành: Chăn nuôi
7. Tổng kinh phí: 200 triệu đồng
8. Các đơn vị tham gia thực hiện mô hình: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp; Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng và Trạm thú y huyện Hà Quảng
9. Mô hình được áp dụng theo quy trình: Các bước thành lập nhóm sở thích theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ và Tài liệu thành lập nhóm sở thích của Hội đã có Quyết định ban hành (có trong phần phụ lục).

II. TÍNH CẤP THIẾT CỦA VIỆC THỰC HIỆN MÔ HÌNH

Trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu KHCN-nguồn vốn ADB thuộc chương trình **Nông nghiệp Việt nam hướng tới khách hàng mã số AST28** được triển khai tại Cao Bằng và Hà Giang về ***đa dạng hóa các mô hình chăn nuôi bò thịt theo các vùng sinh thái khác nhau và tiếp cận thị trường***, đã cho các kết quả rất khả quan về hệ thống chăn nuôi bò thịt của người H'mông. Đây là nguồn sinh kế của người dân tộc H'mông trên vùng núi cao, với giống bò H'mông và phương thức chăn nuôi cổ truyền của người H'mông đã tạo nên tính đặc thù về chất lượng của loại thịt bò này. Trong mục tiêu hướng tới khách hàng của đề tài AST28 đã chọn loại thịt bò này để phát triển thị trường và xây dựng thương hiệu cho thịt bò H'mông Cao Bằng (đã xây dựng thành công Nhãn hiệu tập thể), nhờ các đặc tính vượt trội về chất lượng. Hiện tại kênh phân phối thử nghiệm thịt bò H'mông từ Cao Bằng về Hà Nội với đầu mối là công ty Rural Food đã thành công, công ty đã ký hợp đồng để cung cấp cho hệ thống siêu thị Big C cả nước. Tuy nhiên, hệ thống cung cấp này đang gặp ba thách thức lớn:

Một là, số lượng các thành viên là hộ chăn nuôi tham gia vào Hội chăn nuôi và tiêu thụ thịt bò Cao Bằng còn hạn chế, (trong đề tài mới thành lập được 6 mô hình Nhóm sở thích tại 2 tỉnh; riêng ở Cao Bằng mới có 3 nhóm với trên 120 hộ tham gia). Hơn nữa, số người tiêu dùng biết tới sản phẩm thịt bò H'mông Cao Bằng chưa nhiều, đặc biệt là biết cụ thể về nguồn gốc chăn nuôi, chất lượng thịt, qui trình chăn nuôi, giết mổ và hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm thịt bò H'mông Cao Bằng.

Hai là, thị phần tại thị trường Hà Nội còn hạn chế (1 tháng mới bán được 0,5 tấn) tương đương 5 con bò đực nuôi thịt, nhưng nếu hợp đồng ký kết với BigC được thực hiện thì số lượng thịt bò yêu cầu sẽ rất nhiều và đầu sản xuất cần có kế hoạch để cung ứng theo yêu cầu của hệ thống BigC cả về số lượng và chất lượng.

Ba là, dây chuyền giết mổ tại Cao Bằng với công suất 30 bò thịt/ngày còn thiếu các bò thịt đủ tiêu chuẩn để giết thịt và cung cấp cho hệ thống kênh hàng này.

Vì vậy, sự cần thiết phải thúc đẩy những hoạt động này nhằm củng cố và nhân rộng thêm mô hình nhóm cùng sở thích chăn nuôi bò, để cho nhiều hộ dân được hưởng lợi; giúp xóa đói giảm nghèo bền vững, đồng thời cho phép mở rộng thị trường.

III. MỤC TIÊU MÔ HÌNH

- Nhân rộng thêm 20 nhóm sở thích cho gần 400 hộ tham gia tại các xã thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, các hộ này đều được tham gia vào Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng.

- Mở được 05 lớp tập huấn cho 240 người (khuyến nông, thú y viên, nông dân hạt nhân) từ hai huyện Thông Nông và Nguyên Bình nắm được phương pháp xây dựng mô hình nhóm cùng sở thích và kỹ thuật chăn nuôi bò thịt, thời gian 2 ngày/lớp, tổ chức tại thị xã Cao Bằng.

IV. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

4.1. Nhân rộng mô hình các nhóm sở thích chăn nuôi bò thịt

- *Nội dung:* Thành lập thêm các nhóm cùng sở thích chăn nuôi bò thịt tại các xã thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- *Quy mô:* 20 nhóm với 400 hộ tham gia (20 hộ/nhóm)

- *Số hộ hưởng lợi từ:* 400 hộ tương đương 2000 khẩu (trung bình 5 khẩu/hộ)

- *Thời gian:* bắt đầu từ tháng 5 tới hết tháng 10 năm 2012

- *Phương pháp thực hiện*: Quá trình thành lập các nhóm sở thích có áp dụng công cụ Tổ chức nông dân để thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình các nhóm sở thích.

Bước đầu sẽ tiến hành tuyên truyền và tập huấn cho các hộ dân nhu cầu thành lập nhóm và mong muốn tham gia. Để xác định nhu cầu các hộ dân tham gia vào nhóm, sẽ tổ chức tuyên truyền lợi ích, vai trò và trách nhiệm khi tham gia vào nhóm; sau đó cùng mạng lưới thú y, khuyến nông viên các xã lên danh sách các hộ có nhu cầu thực sự, tiếp tục tư vấn các bước xây dựng quy chế và phương án sản xuất kinh doanh theo quy định của Nghị định 151/2007/NĐ-CP, cụ thể dựa theo các bước cơ bản sau:

+ Bước 1. Tổ chức họp cấp xã để xác định các xóm có tiềm năng phát triển chăn nuôi bò trong xã đã lựa chọn: Tiêu chí lựa chọn các xóm là các hộ có qui mô bò tối thiểu là 2 con/hộ, và mỗi năm một hộ bán ít nhất 01 con bò. Để lấy được thông tin thật nhóm nghiên cứu đã dựa trên thông tin có sẵn của hệ thống thú y viên (khi đi tiêm phòng), hệ thống cấp giấy chứng nhận kiểm dịch của Trạm thú y huyện và chính quyền địa xã cùng các trưởng xóm tới dự họp.

+ Bước 2. Tuyên truyền lợi ích và trách nhiệm khi tham gia vào nhóm sở thích nuôi bò thịt. Các xóm sau khi được lựa chọn, sẽ nhờ trưởng xóm báo hộ cho các hộ theo tiêu chí: nuôi ít nhất 2 con bò và một năm bán ít nhất 01 con tới dự họp tại nhà văn hóa xóm. Sau đó cán bộ dự án sẽ tuyên truyền lợi ích và trách nhiệm khi tham gia nhóm sở thích. Mục đích để người dân hiểu thế nào là nhóm sở thích, các hoạt động chung là gì (mua chung, bán chung, sử dụng chung các dịch vụ...) và tự nguyện tự giác tham gia, sau đó cho họ về nhà suy nghĩ cùng bàn bạc với gia đình. Bước này diễn ra trong một buổi họp, cuối buổi họp cần xác định được 2-3 người nông dân hạt nhân, những người này sẽ được bồi dưỡng và trao đổi để xây dựng dự thảo quy chế của nhóm. Những người này được chính những hộ tham gia buổi họp đó đề cử ra với các tiêu chí chính: Có chăn nuôi bò, được mọi người tin tưởng, hiểu biết, nhiệt tình và nói rõ tiếng phổ thông, sẵn sàng làm việc công giúp cả nhóm.

+ Bước 3. Hoàn thiện hồ sơ nhóm: Mỗi nhóm có lên danh sách các hộ tự nguyện tham gia, danh sách này được UBND xã chứng thực

+ Bước 4. Tư vấn cho mỗi nhóm xây dựng kế hoạch chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt và thực hiện các hoạt động chung: mua chung dịch vụ thuốc thú y, tiêm phòng, bán chung sản phẩm, trao đổi thông tin thị trường, góp quỹ

+ Bước 5. Theo dõi và hỗ trợ các nhóm thực hiện kế hoạch đã xây dựng (có mẫu sổ theo dõi trong phụ lục)

4.2. Nâng cao năng lực cho cán bộ và nông dân ngoài vùng xây dựng mô hình

- *Nội dung*: Tổ chức tập huấn phương pháp xây dựng các nhóm cùng sở thích và kỹ thuật chăn nuôi bò thịt

- *Đối tượng*: là nông dân hạt nhân, cán bộ khuyến nông, thú y từ các xã của hai huyện Thông Nông và Nguyên Bình

- *Địa điểm*: tại thị xã Cao Bằng

- *Thời gian*: tập huấn vào tháng 08 và 09 năm 2012

- *Thời lượng*: 2 ngày/lớp (4 buổi/lớp)

- *Quy mô*: 05 lớp (48 người/lớp)

- *Phương pháp tập huấn*: Áp dụng phương pháp tập huấn có sự tham gia để tập huấn và tuyên truyền phương pháp xây dựng các nhóm sở thích và kỹ thuật chăn nuôi bò thịt.

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

5.1. Kết quả xây dựng mô hình:

TT	Nội dung (theo thuyết minh được duyệt và hợp đồng đã ký)	Địa điểm (thôn/xã)	Quy mô (nhóm)	Số hộ nông dân tham gia mô hình (hộ)	Chất lượng mô hình (tốt/khá/trung bình/kém)	Ghi chú
1	Thành lập thêm các nhóm cùng sở thích chăn nuôi bò thịt tại các xã thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.	6 xã: Vân Đình; Hồng Sỹ; Thượng Thôn; Quý Quân; Sỹ Hai và xã Mã Ba	23 nhóm	424	Tốt	

Trong 23 nhóm sở thích đã được thành lập tập trung chủ yếu tại xã Vân Đình với 10 nhóm sở thích, tổng số hộ tham gia là 211 hộ. Đây là xã mới được thành lập 100% là dân tộc Mông, xã có truyền thống nuôi bò to, khỏe và thường đạt giải cao trong các cuộc thi hội bò xuân của huyện Hà Quảng.

Tiếp tới là xã Thượng Thôn với 5 nhóm sở thích với 100 hộ tham gia. Xã Thượng Thôn còn có một số xóm có các hộ có nhu cầu thành lập thêm các nhóm mới, tuy nhiên trong khuôn khổ dự án có hạn nên chưa đủ thời gian để thành lập, nhóm nghiên cứu đã tư vấn cho cán bộ khuyến nông xã để họ tiếp tục nhân rộng các nhóm. Xã Sỹ Hai có nhóm với ... hộ dân. Xã Hồng Sỹ có 03 nhóm sở thích với 38 hộ dân tham gia. Xã Quý Quân có 2 nhóm sở thích và với 22 hộ dân tham gia và xã Mã Ba có 01 nhóm với 15 hộ dân tham gia.

Nhận xét chung:

- *Thuận lợi:* Chính quyền các xã, huyện ủng hộ cao việc nhân rộng các mô hình nhóm cùng sở thích chăn nuôi bò. Các nhóm khi ra đời được chính quyền xã, huyện đưa vào danh sách quan tâm để lồng ghép các chương trình của địa phương (hỗ trợ cỏ giống, tiêm phòng, quản lý dịch bệnh, ...)

Trong mỗi nhóm có xây dựng kế hoạch sản xuất và kinh doanh, đó là căn cứ và bản chất để các nhóm hoạt động. Dựa trên kế hoạch đó có thể chủ động liên kết với doanh nghiệp, trực tiếp đàm phán hoạt động mua chung và bán chung, cùng nhau chia sẻ thông tin về thị trường, dịch bệnh qua các buổi họp nhóm

Ví dụ: Kế hoạch của một nhóm sở thích nuôi bò xóm Mã Răng tại xã Mã Ba

Lập ngày 22/8/2012

Stt	Hoạt động	Số hộ tham gia	Đơn vị	Kế hoạch (Số lượng)	Thời gian thực hiện
1	Tiêm phòng	25	Con	80	Tháng 9/2012
2	Xây dựng chuồng trại	2	Chuồng	2	Tháng 11/2012
3	Trồng cỏ lai VA-06	12	m ²	1200	Tháng 5/2013
4	Mua bò	25	Con	50	Tháng 6/2013
5	Bán bò	25	Con	50	Tháng 12/2013
6	Đóng quỹ	25	triệu	6,250	Tháng 9/2012 và tháng 9/2013
7	Họp nhóm	25	Tổng lần/năm	12	1 tháng/lần
8	Ủ chua thức ăn	2	Bê ủ	2	Tháng 8/2013
9	Tập huấn về chăn nuôi	25	Lớp	01	Tháng 7/2013

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của dự án

- *Khó khăn:* Hoạt động triển khai vào mùa mưa, do vậy gặp khó khăn khi đi lại và giảm tiến độ do mưa lũ và sạt lở đất. Các hộ là người dân tộc Mông nên cần nhiều thời gian trao đổi, sự am hiểu về thị trường của các hộ rất hạn chế, khó khăn trong công tác lập kế hoạch sản xuất và kinh doanh theo năm.

Tuy nhiên, với quá trình làm việc và các ví dụ cụ thể của nhóm tư vấn đã giúp các hộ dân trong các nhóm sở thích tự lập được kế hoạch chăn nuôi của hộ theo năm. Từ đó trưởng nhóm tổng hợp thành kế hoạch của cả nhóm và chủ động liên kết với lò mổ trong tỉnh.

5.2. Kết quả đào tạo, tập huấn (cho những người không tham gia mô hình)

TT	Nội dung đào tạo (Theo thuyết minh được duyệt và hợp đồng đã ký)	Tổng số lớp	Tổng số lượt người tham gia tập huấn				Khả năng tiếp thu tiến bộ kỹ thuật (tốt/khá/TB/ kém)	Số người đăng ký áp dụng TBKT
			Tổng số	Cán bộ KT/KN	Nữ	DTTS		
1	Phương pháp xây dựng các nhóm cùng sở thích và kỹ thuật chăn nuôi bò thịt ¹	05 lớp	243	12	20	243	Khá	100%
	Cộng	5	243	12	20	243		100%

Trong 5 lớp tập huấn thì có 3 lớp với 147 học viên đến từ huyện Thông Nông và 02 lớp với 96 học viên đến từ huyện Nguyên Bình. Mỗi lớp kéo dài 02 ngày cả lý thuyết và thực hành. Các lớp tổ chức diễn ra tại thị xã Cao Bằng với sự tham gia của Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng hỗ trợ thêm khâu tổ chức và đón tiếp học viên.

Nhận xét chung:

- Thuận lợi: Với sự hỗ trợ nhiệt tình của tổ chức Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng 5 lớp tập huấn đã được tổ chức với đủ số lượng học viên theo yêu cầu. Học viên tham gia nhiệt tình, địa phương phối hợp tổ chức tốt các lớp tập huấn, có giao nhiệm vụ sau lớp đào tạo để phát triển các nhóm sở thích chăn nuôi tại địa bàn các thôn, bản trong xã.

- Khó khăn: Thành viên trong lớp là người dân tộc Mông, Dao, khả năng tiếp thu hạn chế, cần có nhiều thời gian để giải thích. Học viên đi lại khó khăn vì các lớp tập huấn triển khai vào mùa mưa, đường quốc lộ đang sửa chữa.

Qua trao đổi với các học viên thì nội dung tập huấn có ý nghĩa thiết thực và đã giúp họ nâng cao được nhận thức, họ nắm được phương pháp và các bước thành lập nhóm cũng như tư vấn kỹ thuật chăn nuôi cho người dân trong xã của họ.

¹ cho cán bộ thú y, khuyến nông và nông dân hạt nhân không trực tiếp tham gia mô hình

5.3. Bảng tổng hợp sản phẩm mô hình

TT	Tên sản phẩm	Kế hoạch	Thực hiện	% Hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng mô hình	20 nhóm cùng sở thích, gần 400 hộ tham gia	23 nhóm, với 424 hộ tham gia	>100%	Đảm bảo yêu cầu
2	Đào tạo tập huấn	05 lớp cho 240 người	05 cho 243 người	>100%	Đảm bảo yêu cầu
3	Thông tin tuyên truyền				
	Cộng	640 người	667 người	>100%	Đạt yêu cầu

Nhận xét chung:

Các hoạt động vượt kế hoạch về số nhóm sở thích được thành lập, số người được tập huấn, chất lượng và tiến độ đảm bảo yêu cầu của mục tiêu dự án nhân rộng đã đưa ra. Các hoạt động đã đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với nhu cầu của người dân cũng như khả năng tiếp thu của họ.

Theo nhận xét của 6 xã tham gia mô hình nhân rộng họ đều cho rằng: Đây là hoạt động có ý nghĩa thực tiễn lớn giúp nhiều hộ dân và nhiều cán bộ trẻ, là người dân tộc và là phụ nữ được trực tiếp tham gia.

5.4. Tình hình sử dụng kinh phí thực hiện mô hình

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí được duyệt	Kinh phí đã nhận	Lũy kế kinh Phí đã chi
1	Xây dựng mô hình	83,820	83,820	83,820
2	Đào tạo tập huấn	75,920	16,180	75,920
3	Thông tin tuyên truyền	0,00	0,00	0,00
4	Chi khác	40,260	0,00	40,260
	Cộng	200,000	100,000	200,000

Về kinh phí đã tạm ứng 50% kinh phí theo hợp đồng đã ký và giải ngân đúng các khoản mục theo thuyết minh đã được phê duyệt. Kinh phí được sử dụng hợp lý và có hiệu quả.

VI. HIỆU QUẢ CỦA MÔ HÌNH

6.1. Hiệu quả về kinh tế:

Hiệu quả tế của các hộ dân tham gia vào mô hình các nhóm sở thích được bán bò qua kênh của Hội mang thương hiệu bò H'mông Cao Bằng có giá cao hơn so với

các hộ bên ngoài từ 3-5% giá trị tính trên 01 kg sản phẩm, tương đương với: 5000 - 10.000đ/kg thịt xô.

Hiện tại trong các nhóm tồn tại 2 hệ thống chăn nuôi: Hệ thống nuôi nhốt vỗ béo và hệ thống chăn nuôi tích lũy (mỗi hộ có vài con bò cái tự cung cấp giống và nuôi tới khi xuất chuồng bán, một con bò cần 3-5 năm mới bán).

Để hạch toán được tổng doanh thu và chi phí cụ thể cho hệ thống chăn nuôi tích lũy cho toàn bộ các nhóm sở thích với 424 hộ, cần có thời gian và tốn nhiều kinh phí. Trong báo cáo này sẽ hạch toán hiệu quả của kiểu chăn nuôi bò nuôi nhốt vỗ béo. Đây là kiểu chăn nuôi khá phổ biến trong các mô hình nhóm sở thích và được đồng bào H'mông áp dụng nhiều.

Bảng hạch toán chi tiết chi phí và doanh thu từ nuôi và bán bò:

STT	Nội dung và giải trình	ĐVT	Số lượng	Đơn giá 1000 đồng	Thành tiền 1000đồng
I	Tổng chi phí tính trên 01 hộ chăn nuôi bò trong một năm cho bò vỗ béo				16.000
1	Mua bò giống (Trung bình 01 con/hộ/năm), tính thịt xô	Kg	80	165	13.200
2	Chi phí thức ăn tinh (một con bò nuôi trung bình trong 3 tháng, mỗi ngày cần 01 kg thức ăn tinh bột ngô, cám có giá 5000đ/kg)	kg	90	5	450
3	Công lao động (một con bò ngày cần 2 tiếng cắt cỏ và cho ăn, trong 3 tháng cần: $90\text{ngày}/8\text{giờ/ngày} \times 2\text{ giờ/ngày} = 23\text{ ngày}$; giá một ngày công tại địa phương là 100 /ngày	ngày công	23	100	2.300
4	Chi cho thuốc thú y, tiêm phòng	con	1	20	20
5	Chi phí khác: tiền điện + giao dịch bán bò	con	1	30	30
II	Tổng doanh thu khi bán bò	kg	110	180	19.800
III	Lợi nhuận thuần	hộ/năm			3.800

Bảng tổng hợp hiệu quả chăn nuôi bò của các hộ tham gia mô hình nhóm

TT	Năng suất mô hình (Tấn thịt xô/năm)	Giá bán sản phẩm (1000đồng/kg)	Tổng thu mô hình (Tr.đ/năm)	Tổng chi (Tr.đ/năm)	Lãi Tr.đ/năm)
I					
1	47	180	8.395	6.784	1.611
2					
Cộng	47	180	8.395	6.784	1.611

Nhận xét chung: Hiệu quả từ chăn nuôi bò thịt đem lại cho các hộ trong mô hình là khá lớn, chiếm 30% tổng thu nhập của hộ. Một hộ một năm có lợi nhuận thuần từ nuôi bò vỗ béo là 3,8 triệu đồng. Từ đó ta thấy với 424 hộ trong 23 nhóm sở thích sẽ cho tổng lợi nhuận thuần từ chăn nuôi bò là: 1,611 tỷ đồng/năm. Trong thời gian tới khi mở rộng được thị trường tiêu thụ, mỗi hộ sẽ bán một năm 2-3 con, khi đó lợi nhuận sẽ tăng lên gấp 2-3 lần hiện nay.

6.2. Hiệu quả về xã hội:

TT	Tên mô hình	Số người được tạo việc làm (người)			Dự kiến số người được hưởng lợi từ mô hình (người)		
		Tổng	Phụ nữ	DTTS	Tổng	% Phụ nữ	% DTTS
1	23 nhóm sở thích chăn nuôi	424	96	424	2000	23%	100%
2	05 lớp tập huấn	243	20	243	243	8%	100%

• Nhận xét chung:

Thực tế mỗi hộ trong mô hình có số khẩu trung bình là 5 khẩu/hộ, vì vậy với 424 hộ tương ứng với 2000 người được hưởng lợi.

Về tập huấn, với 05 lớp được triển khai, đã giúp cho số lượng cán bộ và nông dân hạt nhân trong hai huyện Thông Nông và Nguyên Bình hiểu rõ và áp dụng qui trình thành lập nhóm cùng sở thích.

Điều quan trọng nhất ở đây là đã thay đổi được nhận thức của người dân về sản phẩm của mình làm ra, có chất lượng tốt và bán được giá tương xứng với công sức chăn nuôi của mình. Biết được sản phẩm của mình đi tới đâu, giá bán cuối cùng là bao nhiêu (tại Big C hiện nay là 350.00đ/kg thịt thăn bò H'mông Cao Bằng vào cuối tuần).

Hơn nữa tính đoàn kết trong chăn nuôi, cùng chia sẻ thông tin về thị trường, giá, về dịch bệnh và cùng thực hiện các hoạt động chung trong chăn nuôi bò là điểm nổi bật của mô hình nhóm sở thích. Xây dựng và củng cố thêm mối quan hệ xã hội theo chiều ngang giữa các hộ dân với nhau (tăng tình làng nghĩa xóm) và đo là căn cứ quan trọng để kết nối với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

6.3. Hiệu quả về môi trường:

Việc chăn nuôi có kiểm soát (nuôi nhốt, chăn dắt có kiểm soát), đã làm giảm sỏi mòn đất, giảm bạc màu đất và đảm bảo quản lý được nguồn chất thải của bò. Bò được nuôi nhốt không phá hoại hoa màu, rừng trồng...

6.4. Các hiệu quả/tác động khác:

Hiệu quả lớn nhất của mô hình nhân rộng và dự án trong 4 năm qua là thay đổi suy nghĩ cấp quản lý nhà nước và chính sách hỗ trợ phát triển đàn bò của tỉnh Cao Bằng. Trước đây chính sách hỗ trợ cải tạo đàn bò của tỉnh là sử dụng bò đực giống lai Sind. Tuy nhiên sau các hoạt động của dự án từ thành lập nhóm kết nối với doanh nghiệp, phân tích chất lượng thịt, xây dựng nhãn hiệu tập thể và đặc biệt là hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị bò H'mông Cao Bằng theo hướng thị trường cho sản phẩm đặc sản, đã giúp cho lãnh đạo địa phương thay đổi cách nhìn và đã có chính sách hỗ trợ các hộ sử dụng bò đực giống H'mông, có chương trình bình tuyển đàn bò đực giống tại chỗ, mua lại của dân và cấp cho các huyện miền Đông của tỉnh (Hạ Lang, Quảng Uyên) nơi đàn bò đang bị suy thoái và có tầm vóc nhỏ.

Việc nhân rộng thêm mô hình các nhóm cùng sở thích cùng với việc tập huấn chuyển giao phương pháp cho cán bộ và người dân trong các huyện khác ngoài vùng làm mô hình đã giúp tăng thêm vùng nguyên liệu cho Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng, cũng như hỗ trợ cho việc nâng cấp chuỗi giá trị bò H'mông Cao Bằng, một sản phẩm đã có thương hiệu được bảo hộ.

VII. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

7.1. Kết luận

- Đã nhân rộng thêm được 23 nhóm sở thích cho trên 400 hộ tham gia tại các xã Vân Đình; Hồng Sỹ; Thượng Thôn; Quý Quân; Sỹ Hai và xã Mã Ba thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, các hộ này đều được tham gia vào Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng và có mã số truy suất nguồn gốc, được thể hiện trên website: www.hmongbeef.vn.
- Đã tổ chức được 05 lớp tập huấn cho 243 lượt người là khuyến nông viên, thú y viên, nông dân hạt nhân tại hai huyện Thông Nông và Nguyên Bình. Trong đó có 100% học viên đã đăng ký sẽ áp dụng qui trình được tập huấn về địa phương mình.
- Hiệu quả kinh tế của mỗi hộ trong mô hình là 3,8 triệu/hộ/năm từ chăn nuôi bò thịt.
- Đã góp phần thay đổi nhận thức của người dân và nhà quản lý trong việc quản lý, hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị bò H'mông, một sản phẩm đặc sản của tỉnh
- Đã xây dựng được mối liên kết giữa hộ chăn nuôi với doanh nghiệp và hệ thống siêu thị lớn trong nước.

7.2. Khuyến nghị

- Cần củng cố và tư vấn thường xuyên cho các nhóm sở thích tại huyện Hà Quảng, công việc này trực tiếp giao cho mạng lưới thú y, khuyến nông viên, coi đây là một nhiệm vụ của ngành nông nghiệp của tỉnh trong những năm tới.

- Hỗ trợ các huyện Thông Nông và Nguyên Bình nhân rộng mô hình các nhóm sở thích và kết nối với doanh nghiệp đang thu mua sản phẩm.
- Phát triển thêm thị phần tiêu thụ sản phẩm thông qua việc quản lý và phát triển của Hội chăn nuôi và tiêu thụ bò thịt Cao Bằng.
- Tiếp tục quảng bá và bảo vệ thương hiệu cho sản phẩm thịt bò H'mông Cao Bằng, sản phẩm đã được bảo hộ độc quyền Nhãn hiệu tập thể trong cả nước.

CHỦ NHIỆM MÔ HÌNH
(Họ tên, chữ ký)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Trịnh Văn Tuấn

VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Xác nhận của địa phương về việc nhân rộng mô hình

Phụ lục 2. Danh sách 424 hộ trong 23 nhóm sở thích chăn nuôi bò

Phụ lục 3. Danh sách số người được tập huấn và danh sách số người đăng ký áp dụng tiến bộ kỹ thuật

Phụ lục 4. Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở

Phụ lục 5. Quy trình đề tài áp dụng cho mô hình

Phụ lục 6. Các hình ảnh minh họa (in màu)

Phụ lục 7. Thuyết minh dự án đã được phê duyệt